

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
-----☸★☹-----

LÊ THỊ THẢO NHƯ

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT
NỘI BỘ VỀ CHI PHÍ SẢN
XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN DỆT MAY 29-3**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN
TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng - Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Phùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm

Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị

kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào

ngày 25 tháng 09 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng**
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới đã mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam những vận hội mới để phát triển nhưng đồng thời cũng chứa đựng trong lòng nó nhiều thách thức. Hơn bao giờ hết để vượt qua những thách thức mang tính cạnh tranh khốc liệt này đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm... mà còn phải sử dụng các phương pháp để kiểm soát tốt chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong đó việc tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ về chi phí là một yêu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp.

Công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất ở Công ty cổ phần dệt may 29-3 vẫn còn những tồn tại như: công ty chưa thực hiện việc báo cáo phân tích chi phí; một số chứng từ chưa giúp cho việc KSNB chi phí sản xuất; việc phân quyền truy cập hệ thống mang tính hình thức; chưa có quy định về vấn đề bảo vệ chi phí sản xuất trong hệ thống máy tính. ...

Với những lý do trên, tác giả chọn đề tài “**Tăng cường kiểm soát nội bộ về chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần dệt may 29-3**” để nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất và tình hình thực tế về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất mặt hàng may tại công ty cổ phần dệt may 29-3 tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất và thực tiễn công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần dệt may 29-3. Qua đó vận dụng những lý luận đã nghiên cứu nhằm đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu công tác KSNB chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3. Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận văn, đề tài chỉ tập trung vào công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất của ngành may vì ngành may chiếm tỷ trọng lớn trong công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử đồng thời với phương pháp phỏng vấn, thu thập thông tin tài liệu để đánh giá công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

5. Những đóng góp của đề tài.

- Về mặt lý luận: Luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp nói chung.

- Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở những tồn tại trong công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3. Luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

6. Kết cấu của đề tài.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được trình bày thành 3 chương.

Chương 1: Lý luận chung về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

Chương 3: Các giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

7. Tổng quan những vấn đề đã nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chi phí trong doanh nghiệp.

Trong quá trình làm luận văn tác giả đã tham khảo một số đề tài tương tự về kiểm soát nội bộ như: đề tài “Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại tổng Công ty dệt may Hòa Thọ” tác giả Huỳnh Thị Loan (năm 2008), đề tài này đã đi sâu vào vấn đề kiểm soát trong quản lý như: lập hồ sơ công nghệ, kiểm soát chất lượng và giá nguyên vật liệu mua vào, lập hồ sơ dự toán chi phí. Đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội về chi phí ở công ty điện lực 3” tác giả Hoàng Thị Thanh Hải (năm 2005), đề tài này đi vào vấn đề tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát nội bộ chi phí, các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất kinh doanh điện. Đề tài “Tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hệ thống thông tin kế toán ở các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” Tác giả Lưu Thị Hiếu (năm 2008) đề tài này đi chi tiết về kiểm soát nội bộ thông tin kế toán trong điều kiện các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ứng dụng tin học vào công tác kế toán. Đề tài “Tăng cường kiểm soát nội bộ về chi phí ở các doanh nghiệp thuộc khu quản lý đường bộ 5” tác giả Trịnh Thị Hoàng Dung (năm 2006) đề tài này đi vào công tác KSNB chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

Nhìn chung các đề tài trên đã đi vào vấn đề KSNB về quản lý, chưa đi vào KSNB về kế toán. Đề tài này sẽ đi sâu vào KSNB về kế toán và quản lý.

Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về hệ thống KSNB trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm hệ thống kiểm soát nội bộ.

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về hệ thống KSNB thực chất hệ thống KSNB là sự tích hợp một loạt hoạt động, biện pháp, kế hoạch, quan điểm, nội quy chính sách và nỗ lực của mọi thành viên trong tổ chức để đảm bảo tổ chức đó hoạt động hiệu quả, đạt được mục tiêu đặt ra một cách hợp lý. Có thể hiểu đơn giản, hệ thống kiểm soát nội bộ là hệ thống của tất cả những gì mà một tổ chức cần làm để có được những điều muốn có và tránh những điều muốn tránh.

1.1.2. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Hệ thống KSNB phải đảm bảo các mục tiêu: Bảo vệ tài sản của DN, tổ chức; Các thông tin kế toán được cung cấp phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác và tin cậy về thực trạng hoạt động của DN; Đảm bảo hiệu quả hoạt động và chức năng quản lý; Đảm bảo việc thực hiện các quy định của DN cũng như việc tuân thủ các chế độ pháp lý.

1.1.3. Những yếu tố cơ bản hình thành hệ thống kiểm soát nội bộ.

Những yếu tố cơ bản để hình thành hệ thống KSNB bao gồm: Môi trường kiểm soát; Hệ thống kế toán; Thủ tục kiểm soát.

1.2. Nội dung kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

1.2.1. Khái niệm chi phí sản xuất.

Chi phí SX là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá được thể hiện bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất.

Chi phí có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau. Căn cứ theo chức năng hoạt động, chi phí được phân thành chi phí sản xuất, chi phí ngoài sản xuất. Căn cứ theo cách ứng xử của chi phí, chi phí được chia thành chi phí bất biến, chi phí khả biến và chi phí hỗn hợp. Căn cứ theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận, chi phí được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Ngoài ra còn có các cách phân loại chi phí khác như: phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu, phân loại theo sự biến đổi của chi phí, phân loại theo tính chất của chi phí.

1.2.3. Kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

1.2.3.1. Kiểm soát nội bộ chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp

Các gian lận và sai sót thường gặp: Việc tính, đánh giá nguyên vật liệu không chính xác, hoặc gian lận có chủ ý; Vật tư xuất kho không đúng theo định mức làm trì trệ quá trình sản xuất; Xuất kho không đúng loại vật tư dùng cho sản xuất hoặc xuất thừa vật tư; Một chứng từ có thể bị nhập liệu vào máy hai lần do không đánh số thứ tự trước; ... Do đó doanh nghiệp phải tổ chức thông tin KSNB chi phí NLVLT từ các chứng từ ban đầu như: lệnh sản xuất, Phiếu yêu cầu xuất vật tư, ... đến các sổ kế toán như: Thẻ kho, sổ chi tiết vật tư, ... Bên cạnh đó doanh nghiệp cần thiết lập các thủ tục kiểm soát nội bộ

chi phí NLVLT ở các quá trình: xuất kho nguyên liệu, vật liệu, quá trình sản xuất; quá trình hạch toán. Trong KSNB quá trình hạch toán doanh nghiệp cần quy định: Các chứng từ được đánh số thứ tự trước; Các chứng từ hợp lệ là các chứng từ đã được phê chuẩn đầy đủ; Các chứng từ sau khi nhập liệu vào máy thì cần khóa chứng từ. Chứng từ sau khi bị khóa thì chỉ có người có thẩm quyền mới có thể sửa đổi; ...

1.2.3.2. Kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp

Các gian lận và sai sót thường gặp trong KSNB như: Việc tính tăng hoặc giảm công cho những người nghỉ việc; Thanh toán lương cho những công nhân không có thực; Bảng tính lương, bảng tổng hợp tiền lương và nhật ký tiền lương có thể không khớp;... Do đó doanh nghiệp cần tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ chi phí NCTT trên các chứng từ theo dõi nhân công và thực hiện các thủ tục KSNB đối với tiền lương và các khoản trích theo lương. Đối với chi phí tiền lương doanh nghiệp thực hiện các thủ tục kiểm soát: bảng phân công, phân nhiệm trong công tác về lao động, tiền lương; Chức năng nhân sự; Chức năng theo dõi lao động; Chức năng tính lương và ghi chép lương; Đối chiếu giờ công, ngày công trên bảng lương với các thẻ thời gian, bảng chấm công; Đối chiếu tên và mức lương trên bảng lương với hồ sơ nhân viên tại bộ phận nhân sự; Đánh số trước và kiểm tra bảng chấm công thẻ thời gian, phiếu hoàn thành sản phẩm nhập kho;... Còn đối với các khoản trích theo lương thì: Dựa vào số tiền lương tính được, kế toán tiến hành trích lập các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của chế độ tài chính; Kiểm tra việc ghi chép, hạch toán đầy đủ, đúng đối tượng các nghiệp vụ có liên quan đến các khoản trích theo lương; Kiểm soát thông qua việc

so sánh số liệu tính dồn trên các tài khoản phản ánh các khoản trích theo lương của kỳ này so với kỳ trước.

1.2.3.3. Kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất chung

Đối với chi phí sản xuất chung các gian lận và sai sót thường gặp trong KSNB như: Chi phí vật liệu, công cụ và chi phí tiền lương của công nhân quản lý xí nghiệp tương tự như những khoản mục đã nêu trên. Một số gian lận và sai sót có thể xảy ra đối với những khoản mục khác như: Việc trích khấu hao dễ bị sai phạm không tuân theo đúng quy định của chế độ tài chính; Đối với trường hợp nâng cấp TSCĐ sẽ dẫn tới sự thay đổi mức khấu hao, vì vậy việc thay đổi mức khấu hao cần phải xem lại; Việc phân bổ chi phí sản xuất chung chưa chính xác cho từng đối tượng chịu chi phí; Đối với các dịch vụ mua ngoài như chi phí tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, chi phí sửa chữa thì các hoá đơn là cơ sở để hạch toán chi phí có thể bị giả mạo. Doanh nghiệp cần thực hiện các Thủ tục KSNB để hạn chế gian lận và sai sót. Với chi phí khấu hao: Cần tách biệt công tác bảo quản với công việc ghi chép các nghiệp vụ; So sánh tỷ lệ khấu hao của năm hiện hành với năm trước; Kiểm soát việc trích đúng, trích đủ chi phí khấu hao bằng cách kiểm tra hiện trạng tài sản, hồ sơ tăng giảm của TSCĐ. Với chi phí dịch vụ mua ngoài: Các chi phí bằng tiền đòi hỏi phải có sự phê chuẩn chặt chẽ không được vượt quá qui định; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác theo kế hoạch và dự toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày những vấn đề lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp. Phần nghiên cứu này sẽ là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3, từ đó tìm ra

những giải pháp tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chí phí tại công ty một cách hiệu quả hơn.

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29-3.

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần dệt may 29-3.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần dệt may 29-3 tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc sở công nghiệp thành phố Đà Nẵng. Ngày 29-03-1976, “Tổ hợp Dệt 29-3” chính thức được khánh thành. Ngày 28-11-1978 chuyển thành “Xí nghiệp Công ty Hợp Danh 29-3” với số vốn hơn 200 lượng vàng. Ngày 29-3-1984 xí nghiệp được Nhà nước chấp nhận trở thành đơn vị quốc doanh với tên gọi “Nhà máy Dệt 29-3”. Ngày 3-11-1992 đổi tên thành “Công ty Dệt may 29-3” với tên giao dịch là HACHIBA với số vốn trên 7 tỷ đồng và tổng diện tích đất 10.360m². Ngày 29-3-2007, công ty chính thức công bố cổ phần với tên gọi mới là “Công ty cổ phần dệt may 29-3”, với tổng số vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, nay là 55 tỷ đồng.

2.1.2. Chức năng và hoạt động của công ty.

Chức năng chính của công ty là: Chuyên sản xuất các mặt hàng khăn và gia công, may xuất khẩu trực tiếp. Công ty hoạt động trong cả hai lĩnh vực Dệt và May.

2.2. Môi trường kiểm soát tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

2.2.1. Cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3

Công ty cổ phần dệt may 29-3 là doanh nghiệp sản xuất đồng thời nó cũng là doanh nghiệp thương mại. Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tiếp.

2.2.2. Đặc điểm quá trình sản xuất mặt hàng may của công ty.

2.2.2.1. Đặc điểm sản phẩm may của công ty.

Sản xuất hàng loạt và khác nhau về giới tính, tuổi, mục đích hay nhu cầu sử dụng; Sản phẩm được thiết kế cho từng đơn đặt hàng là giống nhau; Sản phẩm ngành may đa dạng về chủng loại.

2.2.2.2. Tổ chức sản xuất sản phẩm may của công ty.

Công ty tổ chức sản xuất gồm các bộ phận: bộ phận sản xuất, bộ phận phục vụ sản xuất để sản xuất sản phẩm.

2.2.2.3. Đặc điểm chi phí sản xuất mặt hàng may.

Chi phí sản xuất mặt hàng may bao gồm: Chi phí NLVLT mặt hàng may được hạch toán trực tiếp cho từng sản phẩm; Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương; Chi phí sản xuất chung của mặt hàng may: Chi phí nhân viên quản lý xí nghiệp may, chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ may, chi phí làm thêm giờ, chi phí bốc vác nhập vật tư may, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

2.2.2.4. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành mặt hàng may.

Đối tượng tập hợp chi phí của công ty là cả một đơn hàng,. Đối tượng tính giá thành của công ty là từng mặt hàng sản xuất ra.

2.2.3. Phong cách điều hành của lãnh đạo công ty.

Vấn đề đạo đức, phong cách điều hành, tư tưởng quản lý luôn được đề cập. Quan điểm của nhà quản trị công ty với khẩu hiệu “Công ty chúng ta không lớn nhất, nhưng quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị có uy tín nhất” được coi như phương châm hành động, tiêu chí phấn đấu của Công ty. Hơn nữa lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến hiệu quả thể hiện qua việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ.

2.2.4. Chính sách nhân sự của công ty

Hiện nay đội ngũ lao động của công ty đã đáp ứng được yêu cầu, với quy trình tuyển dụng tuân thủ các quy chế liên quan đến chính sách nhân sự đã ban hành. Công ty đang áp dụng thử nghiệm phần mềm quản trị doanh nghiệp của công ty phần mềm Bravo, với mục đích phần mềm này sẽ cung cấp thông tin nhanh chóng hơn.

2.2.5. Công tác lập kế hoạch và dự toán của công ty

2.2.5.1. Công tác lập kế hoạch.

Công ty phân công cho các phòng ban, xí nghiệp lập kế hoạch cụ thể và trình duyệt.

2.2.5.2. Công tác lập dự toán.

Dựa vào kế hoạch sản xuất, phòng kỹ thuật công nghệ may tiến hành lập định mức cho từng đơn đặt hàng

2.2.6. Bộ phận kiểm toán nội bộ.

Hiện nay công ty chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2.7. Môi trường bên ngoài.

Công ty chịu sự giám sát của cơ quan hải quan, của Bộ công thương, của ngân hàng, nhà cung cấp, cơ quan thuế, ...

2.3. Hệ thống kế toán tại công ty cổ phần dệt may 29 -3.

2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung.

2.3.2. Tổ chức thông tin kế toán.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán hỗ trợ công việc kế toán nên trình tự ghi sổ được thực hiện: hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc các kế toán viên phụ trách các phần hành sẽ nhập số liệu trên chứng từ vào máy tính. Cuối tháng, quý, năm kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và tự động phần mềm sẽ tổng hợp tạo BCTC.

2.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Theo Quyết định Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, theo quy định của luật kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của chính phủ.

2.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Theo Quyết định Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan để xây dựng hệ thống tài khoản riêng.

2.3.5. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ nên hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm Sổ cái các Tài khoản, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK131, TK621, TK622, TK627, ...

2.3.6. Hệ thống báo cáo kế toán

Bao gồm bốn báo cáo: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.4. Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

2.4.1. Kiểm soát nội bộ chi phí NLVLT.

2.4.1.1. Các yêu cầu đối với kiểm soát nội bộ chi phí NLVLT ở công ty.

Là theo dõi và kiểm tra cả về số lượng, chất lượng, tình trạng và giá trị của nguyên vật liệu; Quan sát việc quản lý, bảo quản vật tư, sản phẩm dở dang; Định kỳ kiểm kê vật tư đối chiếu sổ sách kế toán để đưa ra những giải pháp kịp thời; Xem xét qui trình luân chuyển chứng từ, kiểm tra và sử dụng chứng từ; Kiểm tra việc nhập dữ liệu vào máy tính; Xác định được cách thức thực hiện công việc trong quá trình sản xuất.

2.4.1.2. Tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ chi phí NLVLT.

Bao gồm tổ chức các chứng từ: Lệnh sản xuất, Phiếu yêu cầu xuất vật tư, Phiếu xuất kho và tổ chức các sổ kế toán: Thẻ kho, sổ chi tiết nguyên liệu vật liệu trực tiếp, Sổ cái TK 152, Bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu.

2.4.1.3. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí NLVLT

a. Kiểm soát nội bộ ở quá trình xuất kho vật tư

Quá trình xuất kho vật tư được thực hiện theo quy trình: (1) Dựa vào kế hoạch sản xuất do Phòng Kinh doanh lập. Bộ phận kỹ thuật công nghệ may tiến hành lập định mức nguyên vật liệu cho từng đơn hàng. (2) Phòng kinh doanh căn cứ vào khối lượng được duyệt viết Phiếu xuất kho. (3) Bộ phận kho hàng tiến hành xuất kho theo khối lượng, chủng loại yêu cầu ghi trên Phiếu xuất kho, đồng thời ký vào Phiếu xuất kho và tiến hành theo dõi việc xuất vật tư về khối lượng trên thẻ kho. (4) Khi xí nghiệp may nhận được vật tư sẽ tiến hành tổ chức sản xuất. (5) Phiếu xuất kho chuyển sang Phòng Kế toán sẽ được kế toán vật tư nhập liệu vào máy.

b. Kiểm soát nội bộ quá trình sản xuất.

Thủ tục kiểm soát nội bộ quá trình sản xuất trải qua các bước: Bước 1: Nhận kế hoạch sản xuất; Bước 2: nhận định mức, nhận quy trình công nghệ, lập định mức vật liệu phụ; Bước 3: Phê duyệt; Bước 4: Lập kế hoạch và triển khai sản xuất; Bước 5: Tổ chức cắt vải; Bước 6: Kiểm tra; Bước 7: May; Bước 8: Kiểm tra; Bước 9: Cắt chỉ; Bước 10: Kiểm tra; Bước 11: hoàn thành; Bước 12: Kiểm tra; Bước 13: Đóng gói, đóng kiện; Bước 14: Tổng hợp kế hoạch; Bước 15: Quyết toán đơn hàng; Bước 16: Lưu hồ sơ

c. Kiểm soát nội bộ quá trình hạch toán chi phí NLVLT

(1) Từ Phiếu xuất kho Kế toán vật tư mặt hàng may kiểm tra các yếu tố trên chứng từ tiến hành định khoản và nhập liệu vào máy.

(2) Định kỳ Kế toán vật tư sẽ đối chiếu số lượng với Thủ kho và phụ trách nguyên vật liệu mặt hàng may thuộc Phòng Kinh doanh. (3) Cuối kỳ khi lập báo cáo chi phí thì Kế toán giá thành tiến hành kiểm tra một lần nữa rồi tiến hành tính giá thành sản phẩm mặt hàng may cùng với việc tính chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

2.4.2. Kiểm soát nội bộ chi phí NCTT.

2.4.2.1. Các yêu cầu kiểm soát nội bộ chi phí NCTT

Phải theo dõi cho từng công nhân làm ra bao nhiêu sản phẩm trong tháng để chi trả lương. Ngăn chặn và phát hiện việc thanh toán lương cho công nhân không có thực hoặc đã nghỉ. Tính toán và phân bổ chính xác, hợp lý chi phí tiền lương, và các khoản trích theo lương vào đối tượng hạch toán chi phí. Tổ chức lập các báo cáo về lao động tiền lương. Tuân thủ các luật lệ, quy định của Nhà nước có liên quan đến quản lý lao động và tiền lương.

2.4.2.2. Tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ chi phí NCTT.

Các chứng từ theo dõi nhân công trực tiếp tại công ty bao gồm: Bảng chấm công, Phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành, Bảng thanh toán tiền lương.

2.4.2.3. Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất tại công ty.

- Đối với chi phí tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất.

(1) Phòng Tổ chức hành chính chịu trách nhiệm tuyển dụng công nhân, và lưu hồ sơ nhân viên. (2) Khi công nhân vào làm việc tại Xí nghiệp may thì bộ phận quản lý Xí nghiệp tiến hành theo dõi và kiểm tra, giám sát công việc của công nhân. Đối với công nhân may sau khi may xong sẽ ghi số lượng sản phẩm hoàn thành vào phiếu của mình, sau đó KCS kiểm tra và cứ mỗi tháng sẽ lập ra bảng chấm công, Bảng sản lượng thanh toán lương

giao cho tổ trưởng từng xí nghiệp. (3) Cuối mỗi tháng tổ trưởng Xí nghiệp sẽ nộp bảng chấm công và bảng sản lượng thanh toán lương cho người phụ trách lương tại văn phòng Xí nghiệp may. Người phụ trách tiền lương này sẽ tiến hành tính lương cho từng công nhân trên bảng lương chi tiết, bảng thanh toán lương chi tiết. (4) Sau khi tính xong lương sẽ chuyển chứng từ để Giám đốc Xí nghiệp may duyệt trên bảng thanh toán lương chi tiết. (5) Phòng Tổ chức hành chính sẽ kiểm tra đối chiếu trên bảng thanh toán lương chi tiết một lần nữa. (6) Cuối cùng bảng thanh toán lương chi tiết được chuyển qua Phòng Kế toán để làm cơ sở hạch toán chi phí nhân công trực tiếp và thanh toán lương cho công nhân may.

- Đối với các khoản trích theo lương

Dựa vào số tiền lương tính được cho công nhân trực tiếp sản xuất, kế toán tiền lương tiến hành trích lập các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của chế độ tài chính.

2.4.3. Kiểm soát nội bộ chi phí SXC.

2.4.3.1. Các yêu cầu kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất chung .

Đối với vật liệu xuất dùng cho quản lý thì cần theo dõi cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Nhân công theo dõi về thời gian làm việc của các tổ trưởng, quản đốc xí nghiệp. Chi phí khấu hao TSCĐ cần tiến hành theo dõi việc trích phân bổ theo chế độ qui định. Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền yêu cầu quản lý chặt chẽ.

2.4.3.2. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất chung

Tiền lương nhân viên quản lý, chi phí công cụ, dụng cụ, vật liệu xuất dùng phục vụ Xí nghiệp thì thủ tục kiểm soát tương tự như quá trình kiểm soát xuất chi phí NLVLT , chi phí NCTT. Chi phí khấu hao TSCĐ may: công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường

thăng. Chi phí khấu hao TSCĐ được phân bổ cho các đơn hàng theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Chi phí sửa chữa TSCĐ được tiến hành một cách tự phát, khi nào có trục trặc mới bắt đầu tiến hành sửa chữa. Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền: không có đơn giá định mức theo khối lượng sản phẩm sản xuất ra mà tập hợp tất cả các khoản mục chi phí phát sinh theo chi phí may. Chi phí văn phòng phẩm: Khi có nhu cầu sử dụng văn phòng phẩm thì Xí nghiệp may viết phiếu đề nghị mua hàng gửi Phòng Kinh doanh. Sau đó Phòng Kinh doanh viết Phiếu xuất kho theo số lượng yêu cầu, thủ kho căn cứ vào Phiếu xuất kho đã được phê duyệt để xuất. Chi phí điện thoại, điện nước mua ngoài: Mỗi Xí nghiệp đều có đồng hồ riêng và việc thanh toán là chung cho toàn công ty rồi sau đó mới tính ra giá trị ở từng bộ phận Xí nghiệp.

2.5. Đánh giá công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

2.5.1. Ưu điểm.

Công tác KSNB chi phí sản xuất ngày càng được tăng cường thể hiện ở cơ cấu tổ chức hợp lý, không có sự chồng chéo trong phân công lao động. Ban lãnh đạo công ty rất quan tâm đến chính sách nhân sự nên công nhân viên trong công ty có trình độ tay nghề cao cũng như tính kỷ luật trong lao động rất tốt. Công tác lập dự toán của công ty ngày càng được coi trọng. Hệ thống tài khoản đáp ứng được yêu cầu hạch toán và cung cấp thông tin. Chứng từ sổ sách: theo chế độ quy định, đầy đủ các yếu tố cơ bản của chứng từ. Các thủ tục kiểm soát đang từng bước được thiết lập.

2.5.2. Tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm trên công tác KSNB chi phí sản xuất tại công ty còn có những tồn tại: các thủ tục KSNB tại công ty chưa

được thiết lập, chưa có sự kiểm tra đối chiếu giữa các chứng từ, các bộ phận có liên quan. Chưa thực hiện việc báo cáo chi phí và phân tích chi phí. Một số chứng từ, sổ sách sử dụng chưa giúp cho việc kiểm soát nội bộ chi phí. Sự phân quyền truy cập hệ thống mang tính hình thức, việc sửa sai do nhập liệu được thực hiện một cách trực tiếp nên dễ xảy ra rủi ro. Công ty chưa có quy chế, quy định về vấn đề bảo vệ dữ liệu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã phản ánh được thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3. Qua đó luận văn đã nêu ra được những ưu điểm và tồn tại của công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

Dựa trên những ưu điểm và tồn tại của công ty cổ phần dệt may 29-3 luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29-3.

3.1. Tăng cường một số thủ tục kiểm soát nội bộ chủ yếu tại công ty.

3.1.1. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí NLVLT.

Công ty cần tăng cường thủ tục kiểm soát nội bộ quá trình hạch toán NLVLT bằng cách: Quy định Phiếu xuất kho phải được đánh số thứ tự trước và phải được đính kèm với phiếu yêu cầu vật tư, định mức vật tư. Kế toán vật tư khi nhận được Phiếu xuất kho thì phải kiểm tra có đầy đủ chữ ký chưa. Nếu đầy đủ thì mới tiến hành định khoản trên Phiếu xuất kho. Định khoản này phải được kế toán trưởng kiểm tra trước khi nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Phiếu xuất

kho sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán thì phải khóa chứng từ lại. Khi có sai sót thì phải báo với kế toán trưởng và chỉ có kế toán trưởng mới được quyền sửa. Cuối quý kế toán tổng hợp phải đối chiếu số liệu giữa bảng tổng hợp chứng từ xuất kho và sổ chi tiết TK621.

3.1.2. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí NCTT.

Công ty cần tăng cường thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp bằng các quy định cụ thể sau: Kế toán phụ trách tiền lương phải đối chiếu số lượng sản phẩm hoàn thành trên bảng lương với bảng sản lượng hoàn thành. Kế toán phụ trách tiền lương kiểm tra trên bảng lương chi tiết từng công nhân có ký nhận không.

Hiện nay việc tính lương cho công nhân được thực hiện trên phần mềm. Phần mềm này riêng biệt với phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nhân sự nên dễ dẫn đến gian lận và sai sót. Do đó, công ty nên kết nối phần mềm tính lương với phần mềm quản lý nhân sự và phần mềm kế toán.

3.1.3. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất chung.

Trong chi phí sản xuất chung có rất nhiều khoản mục chi phí nhưng trong luận văn này chỉ kiểm soát ba khoản mục chi phí dễ phát sinh gian lận và sai sót nhất.

- Khấu hao TSCĐ: Ở công ty việc phân bổ chi phí khấu hao cho từng đơn đặt hàng theo chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp là không chính xác vì giá trị nguyên vật liệu bị ảnh hưởng bởi giá mua, tỷ giá ... Do đó công ty nên phân bổ chi phí khấu hao theo số lượng sản phẩm sản xuất thì hợp lý hơn vì số lượng sản phẩm sản xuất không bị ảnh hưởng bởi giá mua, tỷ giá ...

$$\begin{aligned}
 & \text{Chi phí khấu hao cho một sản phẩm} = \frac{\text{Tổng mức khấu hao}}{\text{SL sản phẩm SX dự kiến}} \\
 & \text{Chi phí khấu hao cho đơn hàng } i = \frac{\text{Chi phí khấu hao cho một SP}}{\text{SP}} \quad \times \quad \text{SL SP SX của đơn } i
 \end{aligned}$$

Hơn nữa ở công ty chưa có sự đối chiếu giữa số lượng tài sản đang sử dụng và tài sản không sử dụng chờ thanh lý. Nên công ty cần theo dõi chặt chẽ tài sản nào đang sử dụng, không sử dụng chờ thanh lý để cập nhập kịp thời làm cho việc tính khấu hao chính xác.

- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: công ty cần giao cho bộ phận quản lý TSCĐ chịu trách nhiệm lên kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ, và việc sửa chữa bảo dưỡng sẽ được tiến hành theo định kỳ nhằm đảm bảo tính liên tục trong quá trình sản xuất.

- Về chi phí mua ngoài và chi phí khác bằng tiền chiếm tỷ trọng tương đối lớn nên công ty cần xây dựng định mức chi phí, cơ chế khoán chi phí đối với chi phí điện nước, chi phí tiếp khách,... cho các phòng ban trong cùng công ty. Ngoài ra công ty cần phải tăng cường kiểm soát đối với các hóa đơn từ ngoài công ty, ngăn chặn những hoá đơn khống, những hoá đơn giả mạo làm gia tăng chi phí.

3.2. Hoàn thiện hệ thống báo cáo chi phí.

3.2.1. Báo cáo tình hình biến động và phân tích chi phí NLVLTT.

Tại công ty chi phí NLVLTT chiếm tỷ lệ 30% đến 35% giá thành sản phẩm vì vậy tiết kiệm hay lãng phí chi phí vật liệu ảnh hưởng đến sự tiết kiệm hay bội chi giá thành. Chi phí NLVLTT chịu sự tác động trực tiếp của nguyên vật liệu tiêu hao và đơn giá vật liệu mua vào. Thực tế tại công ty việc cung cấp thông tin cho công tác

kiểm soát chi phí nguyên vật liệu chưa đáp ứng được yêu cầu về việc xác định trách nhiệm của các cá nhân có liên quan. Công ty cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong chu trình cung cấp nguyên vật liệu để giúp công ty kiểm soát được chi phí và có những biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

3.3.2. Báo cáo tình hình biến động và phân tích chi phí NCVT.

Được lập và phân tích tương tự như đối với chi phí NLVLT. Ở công ty mỗi công đoạn, mỗi đơn hàng có đơn giá nhân công khác nhau vì vậy công ty cần lập báo cáo chi phí nhân công trực tiếp cho từng đơn hàng.

3.2.2. Báo cáo tình hình biến động và phân tích chi phí SXC.

Chi phí SXC tại công ty được phân bổ cho từng đơn hàng theo chi phí NLVLT. Nên việc báo cáo chi phí SXC theo từng đơn hàng.

3.3. Hoàn thiện một số chứng từ và sổ sách chủ yếu phục vụ cho KSNB.

3.3.1. Hoàn thiện Phiếu đề nghị lĩnh vật tư.

Phiếu đề nghị lĩnh vật tư cần bổ sung thêm yếu tố như: số chứng từ, số chứng từ định mức, xuất lần thứ mấy và cần có sự phê duyệt của giám đốc trước khi chuyển sang phòng kinh doanh để viết phiếu xuất kho.

3.3.2. Hoàn thiện phiếu xuất kho

Khi xác định lại đối tượng tập hợp chi phí là từng xí nghiệp thì Phiếu xuất kho cần bổ sung thêm các yếu tố như: xuất cho xí nghiệp, số phiếu đề nghị xuất.

3.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách.

Để tránh sự thất lạc đối với phiếu xuất kho công ty nên bổ sung bảng kê phiếu xuất kho và phiếu xuất kho cần được đánh số liên tục trước khi đưa vào sử dụng.

Hoàn thiện sổ chi tiết chi phí sản xuất: hiện nay sổ chi tiết chi phí sản xuất ở công ty chỉ phản ánh sự chi tiết từng loại vật tư, chưa chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí. Do đó việc tổ chức sổ kế toán chi tiết chi phí sản xuất hiện tại của công ty không thuận lợi cho việc tập hợp chi phí vào các đối tượng chịu chi phí. Vì vậy công ty nên tổ chức lại sổ chi tiết chi phí sản xuất theo từng bộ phận là cần thiết.

3.4. Tăng cường kiểm soát quyền truy cập hệ thống, quyền sửa số liệu đối với chi phí sản xuất.

Công ty cần phân chia quyền hạn giữa các nhân viên kế toán khi tham gia vận hành chương trình. Người quản lý sẽ có đầy đủ các quyền để điều khiển và kiểm tra các nhân viên cấp dưới. Người sử dụng chỉ được truy cập đến các hệ thống, các dữ liệu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ mà họ được cấp quyền sử dụng.

Cần đặt mật khẩu không trùng với tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, ... của bản thân, người thân người sử dụng. Không nên viết mật khẩu ra giấy, trên sổ tay, ... Cần thoát khỏi hệ thống khi không sử dụng, thay đổi mật khẩu khi có nhân viên thôi việc hay chuyển sang bộ phận khác, ... Ngoài mật khẩu hệ thống, người sử dụng cần đặt mật mã cho các tập tin lưu trữ trong hệ thống và chỉ có người có trách nhiệm liên quan đến tập tin nào thì mới được phép thâm nhập vào dữ liệu của tập tin đó.

Kiểm tra thủ tục kiểm soát truy cập hệ thống sau khi phân quyền, cần đánh giá, kiểm tra và giám sát việc truy cập hệ thống. Để

kiểm tra, có thể sử dụng các thủ tục: Sử dụng hộp lưu để xác định những truy cập ngoài quyền hạn cho phép. Kiểm tra tính tương thích chức năng: mỗi một kế toán được cấp quyền truy cập hệ thống tương ứng với chức năng và nhiệm vụ của mình.

2.5. Tăng cường các quy chế, quy định đối với việc lưu trữ dữ liệu chi phí sản xuất.

Kiểm soát thiết bị lưu trữ: Thiết lập các biện pháp đảm bảo an toàn vật lý cho thiết bị lưu trữ; Dán nhãn, đặt tên đĩa, phân loại và sắp xếp theo thứ tự thời gian; Thay thế thiết bị lưu trữ định kỳ và hủy các thiết bị lưu trữ không còn sử dụng; Các thiết bị lưu trữ cần được bảo quản ở nơi an toàn bên ngoài tổ chức.

Kiểm soát sao lưu dự phòng dữ liệu: sao lưu dự phòng tất cả các tập tin kế toán ở nhiều nơi như: USB, đĩa CD, Server, ... Hệ thống lưu trữ dữ liệu kế toán nên được để nơi an toàn, có khóa, chỉ có những người có thẩm quyền nhất định mới được tiếp cận. Bên cạnh đó công ty cần trang bị bộ lưu điện UPS cho các máy tính, cài đặt phần mềm diệt virus, ...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những tồn tại về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất.

Với những giải pháp mà tác giả đưa ra hy vọng sẽ góp phần tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay thì việc cạnh tranh trên thị trường ngày một gay gắt. Do vậy để các công ty tồn tại và phát triển trên thị trường một cách bền vững thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được các khoản chi phí phát sinh tại công ty mình. Một khi chi phí sản xuất được kiểm soát tốt thì giá thành sẽ hạ, từ đó giúp các nhà quản lý có cơ sở để đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã giải quyết được các vấn đề sau:

Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về KSNB sản xuất trong DN nói chung. Từ đó làm tiền đề cho việc đánh giá thực trạng và tìm ra giải pháp tăng cường công tác KSNB chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

Thực trạng công tác KSNB chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3 bao gồm: tổng quan về công ty cổ phần dệt may 29-3; môi trường kiểm soát tại công ty cổ phần 29-3; hệ thống kế toán tại công ty; các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3. Từ đó chỉ ra những hạn chế cần hoàn thiện về KSNB chi phí sản xuất tại công ty cổ phần dệt may 29-3.

Những hạn chế tại công ty cổ phần dệt may 29-3: các thủ tục KSNB tại công ty chưa được thiết lập; công ty chưa thực hiện việc báo cáo phân tích chi phí; một số chứng từ chưa giúp cho việc KSNB chi phí sản xuất; việc phân quyền truy cập hệ thống mang tính hình thức; chưa có quy định về vấn đề bảo vệ chi phí sản xuất trong hệ thống máy tính.

Từ những hạn chế như vậy luận văn đã đưa ra các giải pháp: tăng cường một số thủ tục KSNB chi phí chủ yếu tại công ty cổ phần

dệt may 29-3; hoàn thiện hệ thống báo cáo chi phí; hoàn thiện một số chứng từ và sổ sách chủ yếu phục vụ cho KSNB chi phí; tăng cường kiểm soát việc truy cập hệ thống, quyền sửa số liệu; tăng cường các quy chế quy định đối với việc lưu trữ dữ liệu chi phí sản xuất.

Luận văn đã phân nào đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế còn nhiều biến động cuộc khủng hoảng kinh tế vừa mới được phục hồi, hơn nữa nước ta vừa mới gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), vì thế công tác KSNB chi phí sản xuất ở công ty cần thiết phải được vận dụng vào thực tiễn để giúp công ty có đủ năng lực để đứng vững trên thị trường trong nước và thế giới.